TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 14-12-2023
V/v : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Phạm Thanh Trà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-DS ngày 06/11/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 27/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty A(Viết tắt: Công ty A).

Địa chỉ: Lầu 15 Tòa nhà C, 72-74 Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông R – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Nguyên H, sinh năm 1984- Chức vụ: Nhân viên Quản lý công nợ - A; địa chỉ: 163, Khu 6, Ấp 1, xã G, huyện Q, tỉnh Đồng Nai (Theo giấy ủy quyền ngày 15/9/2023).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Võ Thành Đ, sinh năm 2003

Địa chỉ: Tổ 5, Khu 5, thị trấn P, huyện P1, tỉnh Đồng Nai.

(Có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/11/2022, anh Nguyễn Võ Thành Đ, ký hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 với Công ty A vay tiền mặt theo hình thức trả góp hàng tháng, số tiền vay 35.500.000 đồng, lãi suất 4.35%, thời hạn vay 18 tháng, số

tiền thanh toán mỗi tháng là 2.896.618 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì anh Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi trong vòng 18 tháng, vào trước hoặc đúng ngày 22 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày đầu tiên thanh toán bắt đầu từ ngày 22/12/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Đ đã thanh toán cho Công ty A số tiền gốc là 7.258.385 đồng, tiền lãi 7.166.615 đồng, phí quản lý khoản vay là 60.000 đồng.

Tuy nhiên, từ sau ngày 18/3/2023 đến nay, anh Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cố tình trốn tránh, mặc dù Công ty A đã nhiều lần gọi điện và đến nhà yêu cầu anh Đ thanh toán.

Nay Công ty A yêu cầu anh Nguyễn Võ Thành Đ phải thanh toán cho Công ty A số tiền tạm tính đến ngày 14/12/2023 là 38.737.523 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 28.241.615 đồng, lãi 9.451.191đồng, lãi quá hạn 948.717 đồng, phí quản lý khoản vay 96.000 đồng).

Anh Đ còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty A tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ sau ngày 14/12/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/10/2023 anh Nguyễn Võ Thành Đ trình bày:

Vào ngày 20/11/2022 anh có ký Hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 với Công ty A để vay số tiền 35.500.000 đồng, thời hạn vay 18 tháng, mỗi tháng phải thanh toán cho Công ty số tiền là 2.896.618 đồng bao gồm gốc và lãi, lãi suất hàng tháng là 4.3500%, mục đích vay mua xe.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh đã thanh toán cho Công ty A số tiền gốc là 7.258.385 đồng, lãi là 7.166.615 đồng, phí là 60.000 đồng.

Hiện nay vì không đi làm nên anh chưa thanh toán được cho Công ty A số tiền còn lại.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu anh phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 13/8/2023 là 32.992.301 đồng (Trong đó gốc là 28.241.615 đồng, lãi là 4.523.687 đồng, lãi quá hạn là 190.999, phí là 36.000 đồng) thì anh cũng đồng ý thanh toán cho Công ty TIVF số tiền này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank. Cụ thể:

- Buộc anh Nguyễn Võ Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A(Viết tắt: Công ty A) tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/12/2023 là: 38.737.523 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 28.241.615 đồng, lãi 9.451.191đồng, lãi quá hạn 948.717 đồng, phí quản lý khoản vay 96.000 đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

- Về án phí: anh Nguyễn Võ Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy, ânh Đ có nơi cư trú tại huyện P1, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P1, tỉnh Đồng Nai theo qui định tại các 35 và 39 Bộ luật Tố tụng Cân sự.

[1.2]. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

[1.3]. Về quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Công ty A khởi kiện anh Đ trên cơ sở Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều 30, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" và xác định Công ty A là nguyên đơn, anh Đ là bị đơn.

[1.4]. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy:

[2.1]. Về hình thức của Hợp đồng tín dụng giữa Công ty A và anh Đ (Hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 ngày 20/11/2022):

Công ty A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng. Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng ngày 20/11/2022, anh Đ đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào hợp đồng tín dụng từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và người ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng tín dụng 918000003420909000 ngày 20/11/2022 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều

385; Điều 398; Điều 463; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 ngày 20/11/2022, bảng kê tính lãi và lời thừa nhận của anh Đ có cơ sở xác định Công ty A đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay số tiền 35.500.000 đồng. Tạm tính đến ngày 14/12/2023 anh Đ còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc là 28.241.615 đồng.

Do anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty A đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty A yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 ngày 20/11/2022 với số tiền 28.241.615 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi quá hạn Công ty A yêu cầu anh Đ thanh toán được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 ngày 20/11/2022; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

Do đó, yêu cầu của Công ty A về việc anh Đ có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn, phí quản lý khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/12/2023) là 10.495.908 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Công ty A về việc yêu cầu anh Đ tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 15/12/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 918000003420909000 ngày 20/11/2022nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Xét anh Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Công ty A. Vì vậy, Công ty A yêu cầu Tòa án buộc anh Đ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 233; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 401; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A(Viết tắt: Công ty A).

Buộc anh Nguyễn Võ Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/12/2023 là: 38.737.523 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 28.241.615 đồng, lãi 9.451.191đồng, lãi quá hạn 948.717 đồng, phí quản lý khoản vay 96.000 đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Võ Thành Đ phải chịu là 1.936.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 824.800 đồng, theo biên lai thu số 0001491 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các

Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Công ty A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Tân Phú;*
- *Chi cục THA huyện Tân Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS – LT.*